

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI CHO HỌC SINH LỚP 1 TRONG DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM

NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG

Trường Đại học Hải Phòng

NGÔ THỊ THÙY LƯƠNG

Trường Tiểu học Nguyễn Du, Ngô Quyền, Hải Phòng

Nhận bài ngày 06/8/2026. Sửa chữa xong 25/8/2026. Duyệt đăng 16/9/2026.

Abstract

This study examines current practices in developing first-grade students' competence in exploring the natural and social environment through experiential learning in the Nature and Society subject. The study involved 75 primary school teachers in Hai Phong City between April and May 2026 and used questionnaires, observations, interviews, and analysis of student work. The findings indicate that students performed well in observing and asking questions (mean score = 2.05) and collecting information (mean score = 2.01), but showed limitations in planning (mean score = 1.79) and drawing conclusions (mean score = 1.76). Experiential learning activities were predominantly classroom-based, with limited regular use of learning spaces beyond the classroom and digital experiences. Based on these findings, the study proposes pedagogical approaches to support more effective development of students' competence in exploring the natural and social environment.

Keywords: Competence in exploring the natural and social environment, experiential learning, first-grade students, nature and society subject.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chuyển từ định hướng truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, việc đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học giữ vai trò then chốt. Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh là một trong những năng lực cốt lõi giúp học sinh (HS) tiểu học đặt nền móng cho tư duy khoa học ban đầu, phát triển khả năng quan sát, khám phá và vận dụng tri thức vào thực tiễn đời sống.

Đối với HS lớp 1 - lứa tuổi vừa chuyển từ mầm non sang tiểu học - tư duy mang tính trực quan - cụ thể, trí nhớ hình tượng và nhu cầu hoạt động khám phá rất cao. Do đó, dạy học trải nghiệm (DHTN) môn Tự nhiên và Xã hội được xem là phương thức tổ chức dạy học phù hợp nhất với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, giúp các em kiến tạo tri thức từ việc trực tiếp thao tác, trải nghiệm và suy ngẫm trên các đối tượng thực tiễn.

Tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy lớp 1 hiện nay, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực này vẫn còn bộc lộ nhiều khó khăn và hạn chế. Nhằm cung cấp căn cứ thực tiễn tin cậy cho việc đề xuất các biện pháp sư phạm, bài báo tập trung khảo sát và phân tích thực trạng biểu hiện năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội của HS lớp 1, thực trạng tổ chức DHTN và các yếu tố ảnh hưởng tại một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội và dạy học trải nghiệm

Tổng hợp từ nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Thị Thu Đạt, Đậu Thị Hoà (2025), Nguyễn Thị Minh Phương (2006), Tạ Thị Kim Nhung (2023) và nội dung, yêu cầu cần đạt môn Tự nhiên và Xã hội Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chúng tôi xác định: “Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung

Email: phuongntq@dhhp.edu.vn

quanh là khả năng học sinh huy động những hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng và thái độ của bản thân để quan sát, nhận biết, khám phá, đặt câu hỏi, thu thập thông tin, mô tả, giải thích và vận dụng những hiểu biết về các sự vật, hiện tượng trong môi trường tự nhiên và xã hội gần gũi vào học tập cũng như đời sống hằng ngày”.

Vận dụng khung năng lực của Tạ Thị Kim Nhung và cộng sự (2023), năng lực này ở HS lớp 1 bao gồm 5 thành tố với 9 chỉ báo: 1) Quan sát và đặt câu hỏi tìm hiểu (CH1); 2) Đưa ra dự đoán dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm (DĐ1); 3) Lựa chọn phương án kiểm tra dự đoán (KH1); 4) Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán (KH2); 5) Lựa chọn và sử dụng thiết bị, dụng cụ phù hợp (TH1); 6) Thu thập dữ liệu, thông tin (TH2); 7) Ghi lại dữ liệu, thông tin (TH3); 8) Diễn giải và trình bày dữ liệu, thông tin (KL1); 9) Đối chiếu kết quả với dự đoán, rút ra nhận xét và kết luận (KL2).

Dạy học trải nghiệm được hiểu là cách thức giáo viên (GV) sử dụng các biện pháp sư phạm, phương tiện dạy học tổ chức cho HS trực tiếp thực hiện hoạt động thực tiễn, quan sát, thực hành, suy ngẫm, khái quát hóa tri thức kinh nghiệm và vận dụng vào giải quyết nhiệm vụ trong môi trường lớp học, nhà trường, gia đình hoặc cộng đồng. Vận dụng mô hình chu trình học tập trải nghiệm của David A. Kolb (1984), quy trình DHTN gồm 4 bước: Bước 1 - Trải nghiệm cụ thể; Bước 2 - Quan sát và suy ngẫm; Bước 3 - Khái quát hóa kiến thức; Bước 4 - Vận dụng và đánh giá.

2.2. Phương pháp nghiên cứu thực trạng

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên mẫu gồm 75 GV đang trực tiếp giảng dạy lớp 1 tại một số trường tiểu học thuộc thành phố Hải Phòng từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2026. Các phương pháp thu thập số liệu bao gồm: điều tra bằng bảng hỏi anket (đánh giá theo thang 3 mức độ), quan sát sư phạm trực tiếp các tiết học Tự nhiên và Xã hội, phỏng vấn sâu GV và phân tích sản phẩm học tập của HS. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê toán học, tính tần số (SL), tỷ lệ phần trăm (%) và Điểm trung bình (ĐTB).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Biểu hiện năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 1

Kết quả đánh giá thực trạng năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội của HS lớp 1 qua khảo sát 75 GV được tổng hợp chi tiết trong bảng 1.

Bảng 1: Thực trạng năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 1 (N = 75)

STT	Chỉ báo năng lực	Tốt (SL; %)	Đạt (SL; %)	Chưa đạt (SL; %)	ĐTB	Thứ bậc
1	CH1. Quan sát và đặt câu hỏi tìm hiểu	20 (26,67%)	39 (52,00%)	16 (21,33%)	2,05	1
2	DĐ1. Đưa ra dự đoán dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm	17 (22,67%)	39 (52,00%)	19 (25,33%)	1,97	3
3	KH1. Lựa chọn phương án kiểm tra dự đoán	14 (18,67%)	38 (50,67%)	23 (30,67%)	1,88	7
4	KH2. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán	11 (14,67%)	37 (49,33%)	27 (36,00%)	1,79	8
5	TH1. Lựa chọn và sử dụng thiết bị, dụng cụ phù hợp	16 (21,33%)	40 (53,33%)	19 (25,33%)	1,96	4
6	TH2. Thu thập dữ liệu, thông tin	18 (24,00%)	40 (53,33%)	17 (22,67%)	2,01	2
7	TH3. Ghi lại dữ liệu, thông tin thu thập được	15 (20,00%)	38 (50,67%)	22 (29,33%)	1,91	5
8	KL1. Diễn giải và trình bày dữ liệu, thông tin	14 (18,67%)	39 (52,00%)	22 (29,33%)	1,89	6
9	KL2. Đối chiếu kết quả với dự đoán; rút ra nhận xét, kết luận	10 (13,33%)	37 (49,33%)	28 (37,33%)	1,76	9

(Nguồn: Tổng hợp dữ liệu khảo sát thực trạng)

Phân tích dữ liệu bảng 1 cho thấy năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh của HS lớp 1 đã bước đầu được hình thành, với phần lớn HS đạt ở mức “Đạt” (dao động từ 49,33% đến 53,33%). Sự phân hóa giữa các chỉ báo diễn ra rõ nét: HS thể hiện tốt ở các thao tác trực quan như quan sát và đặt câu hỏi (CH1, ĐTB = 2,05, xếp thứ 1) và thu thập thông tin (TH2, ĐTB = 2,01, xếp thứ 2). Ngược lại, ở các kỹ năng đòi hỏi tư duy khái quát và lập kế hoạch, HS còn bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể là lập kế hoạch kiểm tra dự đoán (KH2, ĐTB = 1,79, xếp thứ 8) và đối chiếu kết quả để rút ra nhận xét, kết luận (KL2, ĐTB = 1,76, xếp thứ 9, với 37,33% HS bị đánh giá Chưa đạt).

Kết quả quan sát sư phạm và phỏng vấn cho thấy, khi HS quan sát tranh ảnh, vật thật, các em tham gia rất hào hứng và dễ dàng nêu nhận xét ban đầu. Tuy nhiên, khi chuyển sang nhiệm vụ tự xác định trình tự các bước thực hiện hoặc đối chiếu kết quả thực nghiệm với dự đoán ban đầu để tự rút ra kết luận, đa số HS còn thụ động, lúng túng và phụ thuộc hoàn toàn vào các câu hỏi gợi mở từng bước của GV (phản ánh qua ý kiến phỏng vấn của cô N. T. T và thầy Đ. X. Q).

3.2. Thực trạng tổ chức các hình thức dạy học trải nghiệm môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1

Khảo sát tần suất ứng dụng các hình thức DHTN của giáo viên được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2: Thực trạng tổ chức các hình thức DHTN (N = 75)

STT	Hình thức tổ chức DHTN	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	ĐTB	Thứ bậc
1	Khai thác vốn sống, kinh nghiệm ngay trong lớp học (kể chuyện, đóng vai, xử lý tình huống)	50 (66,67%)	22 (29,33%)	3 (4,00%)	2,63	1
2	Quan sát trực tiếp, thực hành, thí nghiệm đơn giản hoặc điều tra trong lớp	46 (61,33%)	24 (32,00%)	5 (6,67%)	2,55	2
3	Giải quyết nhiệm vụ thực tiễn và đánh giá qua hành động, sản phẩm	25 (33,33%)	38 (50,67%)	12 (16,00%)	2,17	3
4	Trải nghiệm thực tế ngoài lớp học (khuôn viên trường, gia đình, cộng đồng)	19 (25,33%)	39 (52,00%)	17 (22,67%)	2,03	4
5	Trải nghiệm số hoặc trải nghiệm ảo có tương tác	12 (16,00%)	31 (41,33%)	32 (42,67%)	1,73	5

(Nguồn: Tổng hợp dữ liệu khảo sát thực trạng)

Dữ liệu bảng 2 chỉ ra rằng việc tổ chức DHTN hiện nay vẫn mang tính “khép kín” trong lớp học. Hai hình thức được sử dụng thường xuyên nhất là khai thác vốn sống trong lớp (ĐTB = 2,63, xếp thứ 1) và quan sát, thực hành tại lớp (ĐTB = 2,55, xếp thứ 2). Trong khi đó, hình thức trải nghiệm ngoài không gian lớp học chỉ dừng lại ở mức thỉnh thoảng (52,00%), và trải nghiệm số/ảo có tương tác bị bỏ ngỏ với 42,67% GV trả lời hiếm khi tổ chức (ĐTB = 1,73, xếp cuối cùng). Như vậy, DHTN đã được giáo viên vận dụng nhưng còn thiên về các hình thức diễn ra trong lớp học, chưa khai thác thường xuyên các không gian, phương tiện và tình huống trải nghiệm đa dạng.

3.3. Hiệu quả tác động của dạy học trải nghiệm đến phát triển năng lực của học sinh

Đánh giá của giáo viên về đóng góp của DHTN đối với sự phát triển từng chỉ báo năng lực cho HS được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3: Đánh giá hiệu quả phát triển năng lực cho học sinh lớp 1 qua DHTN (N = 75)

STT	Chỉ báo năng lực	Rất hiệu quả (SL; %)	Hiệu quả (SL; %)	Ít hiệu quả (SL; %)	ĐTB	Thứ bậc
1	CH1. Quan sát và đặt câu hỏi tìm hiểu	32 (42,67%)	36 (48,00%)	7 (9,33%)	2,33	1
2	DĐ1. Đưa ra dự đoán dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm	28 (37,33%)	38 (50,67%)	9 (12,00%)	2,25	4
3	KH1. Lựa chọn phương án kiểm tra dự đoán	25 (33,33%)	39 (52,00%)	11 (14,67%)	2,19	7
4	KH2. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán	22 (29,33%)	39 (52,00%)	14 (18,67%)	2,11	8
5	TH1. Lựa chọn và sử dụng thiết bị, dụng cụ phù hợp	30 (40,00%)	37 (49,33%)	8 (10,67%)	2,29	3
6	TH2. Thu thập dữ liệu, thông tin	31 (41,33%)	37 (49,33%)	7 (9,33%)	2,32	2
7	TH3. Ghi lại dữ liệu, thông tin thu thập được	27 (36,00%)	39 (52,00%)	9 (12,00%)	2,24	5
8	KL1. Diễn giải và trình bày dữ liệu, thông tin	26 (34,67%)	39 (52,00%)	10 (13,33%)	2,21	6
9	KL2. Đối chiếu kết quả với dự đoán; rút ra nhận xét, kết luận	21 (28,00%)	39 (52,00%)	15 (20,00%)	2,08	9

(Nguồn: Tổng hợp dữ liệu khảo sát thực trạng)

Đa số GV khẳng định DHTN mang lại hiệu quả rõ rệt nhất trong việc kích thích HS *quan sát, đặt câu hỏi* (42,67% Rất hiệu quả, ĐTB = 2,33) và *thu thập dữ liệu* (41,33% Rất hiệu quả, ĐTB = 2,32). Tuy nhiên, đối với hai kỹ năng *lập kế hoạch* (KH2) và *đối chiếu, rút ra kết luận* (KL2), tỷ lệ đánh giá “Ít hiệu quả” còn

khá cao, lần lượt là 18,67% và 20,00%. Thực tế này đòi hỏi quy trình tổ chức trải nghiệm cần được thiết kế bài bản hơn, tập trung nâng cao giai đoạn “Quan sát - suy ngẫm” và “Khái quát hóa” thay vì chỉ cho HS “làm” một cách thuần túy.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển năng lực

Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển năng lực tìm hiểu môi trường TNHX cho HS lớp 1 khẳng định: Năng lực tổ chức DHTN của GV là yếu tố giữ vai trò quyết định hàng đầu (66,67% Rất ảnh hưởng, ĐTB = 2,64, xếp thứ 1). Tiếp theo là Môi trường học tập và điều kiện cơ sở vật chất (60,00% Rất ảnh hưởng, ĐTB = 2,56, xếp thứ 2), Đặc điểm tâm lý HS lớp 1 (56,00% Rất ảnh hưởng, ĐTB = 2,51, xếp thứ 3), Sự phối hợp của gia đình (52,00% Rất ảnh hưởng, ĐTB = 2,44, xếp thứ 4) và Nội dung chương trình môn học (48,00% Rất ảnh hưởng, ĐTB = 2,40, xếp thứ 5). Như vậy, hiệu quả phát triển năng lực cho HS phụ thuộc vào nhiều yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, trong đó năng lực của GV và điều kiện tổ chức HĐTN là những yếu tố nổi bật.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu thực trạng trên 75 GV tiểu học tại Hải Phòng cho thấy việc phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội cho HS lớp 1 thông qua DHTN môn Tự nhiên và Xã hội đạt được những kết quả bước đầu tích cực nhưng chưa đồng đều. HS thể hiện tốt các kỹ năng quan sát, thao tác cụ thể, nhưng còn gặp nhiều khó khăn ở các kỹ năng lập kế hoạch, phân tích và khái quát hóa bài học. Việc tổ chức trải nghiệm của GV còn thiên về không gian lớp học truyền thống, chưa khai thác hiệu quả môi trường thực địa và công nghệ số.

Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất 3 nhóm khuyến nghị cốt lõi:

- Đối với giáo viên: Cần thiết kế bài học trải nghiệm tuân thủ chặt chẽ chu trình 4 bước của Kolb, đặc biệt chú trọng hệ thống câu hỏi gợi mở ở bước Quan sát - Suy ngẫm và Khái quát hóa để nâng cao khả năng tự rút ra kết luận của HS.
- Đối với nhà trường tiểu học: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các góc thiên nhiên, vườn trường; khuyến ứng dụng các phần mềm mô phỏng trải nghiệm số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.
- Đối với gia đình: Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ HS, giao các nhiệm vụ trải nghiệm thực tế tại gia đình nhằm củng cố năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh cho HS một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội*.
- Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018). Học tập trải nghiệm - Lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, số 433 kì 1, tháng 7, tr. 36-40.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Prentice Hall, Englewood Cliffs, New Jersey.
- Nguyễn Thị Thu Đạt, Đậu Thị Hòa (2025). Phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh cho học sinh qua thực hành thí nghiệm môn Khoa học lớp 5. *Tạp chí Giáo dục*, tập 25 (số đặc biệt 10), tr.164-170.
- Nguyễn Thị Minh Phương (2006). *Tổng quan về khung năng lực cần đạt ở học sinh trong mục tiêu giáo dục phổ thông*. Đề tài mã V2006-16, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.
- Tạ Thị Kim Nhung (2023). Phát triển năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh cho học sinh tiểu học trong dạy môn Khoa học. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 133, số 6C, tr. 217-236.